

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671006 - Toán ứng dụng 2

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Thị Ái	Vân	3571010184	04/02/1992	9,50	5,50	6,70	
2	Lê Thị Ngọc	Thảo	3671040113	01/10/1993	7,00	8,00	7,70	
3	Lê Minh	Hoàng	3671040657	16/12/1994	4,00	4,50	4,40	
4	Nguyễn Trần	Văn	3671040658	12/09/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
5	Hà Minh	Tuấn	3671040660	12/03/1993	10,00	6,30	7,40	
6	Lê Trịnh Việt	Chinh	3671040670	15/04/1986	8,50	10,00	9,60	Nợ HP
7	Phạm Qui	Tông	3671040683	04/10/1993	4,50	3,00	3,50	
8	Trần	Tuấn	3671040684	02/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
9	Nguyễn Tuấn	Khanh	3671040694	22/12/1994	5,50	6,00	5,90	
10	Nguyễn Văn	Hải	3671040710	18/03/1993	5,50	6,30	6,10	
11	Hoàng Việt	Dũng	3671040714	07/11/1988	6,00	4,50	5,00	
12	Phan Văn	Sang	3671040715	11/06/1994	10,00	10,00	10,00	
13	Đoàn Lập	Công	3671040718	16/07/1993	1,50	5,30	4,20	
14	Nguyễn Duy	Cương	3671040732	27/08/1994	2,50	1,50	1,80	
15	Phạm Văn	Vũ	3671040743	23/05/1994	8,00	7,30	7,50	
16	Nguyễn Kim	Trọng	3671040745	01/10/1994	9,00	7,00	7,60	
17	Nguyễn Anh	Tuấn	3671040746	20/08/1994	2,00	3,00	2,70	Nợ HP
18	Vũ Xuân	An	3671040754	06/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
19	Nguyễn Huy	Trọng	3671040757	03/03/1994	4,50	8,50	7,30	
20	Huỳnh	Rin	3671040767	17/03/1993	3,00	5,80	5,00	
21	Nguyễn Đức	Phương	3671040770	28/02/1993	6,50	6,50	6,50	
22	Đoàn Công	Tuấn	3671040773	24/08/1994	7,00	6,50	6,70	
23	Võ Văn	Mừng	3671040779	29/09/1994	4,00	7,50	6,50	
24	Nguyễn Văn	Ngân	3671040791	11/07/1994	6,00	7,30	6,90	Nợ HP
25	Võ Trường	Sinh	3671040796	01/04/1994	3,50	5,50	4,90	
26	Trương Lưu Trường	Giang	3671040803	07/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
27	Huỳnh An	Khang	3671040817	08/07/1994	10,00	8,00	8,60	
28	Đặng Ngọc	Hoàng	3671040832	12/07/1994	5,50	5,00	5,20	
29	Đỗ Minh	Hoà	3671040881	02/01/1994	7,00	5,00	5,60	
30	Lê Bùi Duy	Tân	3671040884	03/02/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
31	Lê Xuân	Vinh	3671040890	18/01/1993	5,00	5,30	5,20	
32	Phạm Tuấn	Anh	3671040897	25/08/1994	4,00	3,50	3,70	
33	Nguyễn Tiến	Hải	3671040901	28/03/1994	4,00	2,30	2,80	
34	Hà Thanh	Thời	3671040907	06/06/1993	3,00	6,80	5,70	Nợ HP
35	Tổng Văn	Linh	3671040910	10/09/1993	6,50	5,50	5,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trịnh Trung	Chánh	3671040911	29/07/1993	7,50	8,00	7,90	
37	Dương Thanh	Minh	3671040934	29/11/1994	2,00	4,50	3,80	
38	Nguyễn Anh	Việt	3671040950	25/12/1993	6,00	5,00	5,30	
39	Nguyễn Xuân	Diệu	3671040965	20/04/1994	2,50	1,00	1,50	Nợ HP
40	Huỳnh Minh	Toàn	3671040971	06/07/1992	10,00	4,80	6,40	
41	Phan Thế	Mạnh	3671040975	11/06/1993	1,00	4,00	3,10	
42	Bùi Tuấn	Nhon	3671040995	10/05/1993	9,50	2,30	4,50	
43	Huỳnh Duy	Nhất	3671040999	10/02/1993	6,50	4,30	5,00	
44	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994	3,50	1,00	1,80	
45	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994	6,50	6,30	6,40	Nợ HP
46	Lê Trần Anh	Nhật	3671041010	05/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
47	Phạm Ngọc	Tĩnh	3671041018	20/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
48	Trần Đăng	Hùng	3671041024	20/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
49	Nguyễn Đình	Phương	3671041028	01/05/1993	6,00	5,00	5,30	
50	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994	,00	,00	,00	CT (SV
51	Lê Thọ	Quý	3671041036	1994	9,00	3,80	5,40	
52	Nguyễn Trường	Kỳ	3671041047	22/04/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
53	Ngô Minh	Quang	3671041053	25/02/1993	4,50	6,00	5,60	
54	Lê Văn	Phú	3671041073	14/08/1994	1,00	3,50	2,80	
55	Nguyễn Văn	Túc	3671041078	1994	4,00	2,00	2,60	
56	Bùi Tuấn	Kiệt	3671041079	07/11/1994	1,00	,00	,30	
57	Nguyễn Văn	Khoa	3671041080	12/12/1994	5,00	7,80	7,00	
58	Đặng Thái	Hòa	3671041087	01/06/1994	7,00	6,30	6,50	
59	Nguyễn Đức	Kiên	3671041100	14/02/1991	3,00	,00	,90	Nợ HP
60	Đặng Thiên	Tấn	3671041103	05/08/1992	7,00	1,80	3,40	
61	Nguyễn Trọng	Toàn	3671041106	17/01/1994	7,00	4,80	5,50	Nợ HP
62	Huỳnh Tấn	An	3671041107	12/10/1993	7,00	3,80	4,80	
63	Nguyễn Đình	Công	3671041109	10/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
64	Phạm Thanh	Danh	3671041123	01/11/1994	,00	,00	,00	CT
65	Trần Quang	Dũng	3671041132	27/12/1993	3,00	2,80	2,90	
66	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994	8,50	6,30	7,00	
67	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994	1,50	5,80	4,50	
68	Nguyễn Văn	Hậu	3671041141	10/07/1994	4,50	3,80	4,00	
69	Nguyễn Vũ	Linh	3671041144	12/08/1994	3,00	4,00	3,70	
70	Võ Văn	Thạch	3671041148	14/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
71	Nguyễn Thanh	Phương	3671041155	17/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
72	Trịnh Huỳnh Quốc	Khánh	3671041167	02/09/1994	,00	,00	,00	CT
73	Đông Anh	Khoa	3671041170	09/03/1992	4,50	1,80	2,60	
74	Vũ Lã Công	Thành	3671041171	26/09/1993	1,00	,00	,30	
75	Nguyễn Quang	Hiếu	3671041173	28/03/1994	4,50	4,30	4,40	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Công	Danh	3671041178	23/08/1993	2,00	1,50	1,70	
77	Lê Chiến	Thắng	3671041180	26/11/1994	,00	,00	,00	CT
78	Nguyễn Hữu	Toàn	3671041192	04/08/1993	6,50	6,50	6,50	
79	Đổng Văn	Hiền	3671041197	11/03/1994	5,00	2,30	3,10	
80	Phan Sỹ	Tú	3671041202	28/02/1994	5,50	4,50	4,80	
81	Nguyễn Hồng	Toàn	3671041208	26/11/1992	2,50	,50	1,10	Nợ HP
82	Bùi Quang	Nhã	3671041209	20/07/1994	7,50	5,30	6,00	
83	Kiều Phi	Long	3671041213	10/11/1994	4,50	2,80	3,30	
84	Trần Khánh	Minh	3671041218	31/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
85	Nguyễn Chí	Giàu	3671041222	26/10/1994	6,00	6,80	6,60	
86	Nguyễn Văn	Nghĩa	3671041244	15/02/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
87	Phan Anh	Đoàn	3671041263	10/06/1994	7,50	2,30	3,90	
88	Lê Minh	Tân	3671041293	26/07/1994	5,00	3,50	4,00	
89	Vi Văn	Hường	3671041457	09/02/1989	,00	,00	,00	Nợ HPC
90	Trần Đức	Khánh	3671041460	10/05/1994	4,50	1,50	2,40	
91	Nguyễn Trung	Hiếu	3671041475	11/11/1994	2,50	6,00	5,00	
92	Hoàng Văn	Đức	3671041496	13/06/1994	3,00	9,00	7,20	
93	Trần Văn	Nam	3671041519	31/08/1994	6,00	5,50	5,70	
94	Châu Hoàng	Tuấn	3671041520	02/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
95	Võ Thị Hoàng	Yến	3671041531	09/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
96	Ngô Văn	Tiếp	3671041533	06/02/1993	10,00	3,80	5,70	
97	Lê Hoàng	Được	3671041950	25/03/1994	5,50	3,80	4,30	
98	Đặng Trọng	Quân	3671041966	14/09/1993	6,00	6,80	6,60	
99	Trần Quốc	Bảo	3671041967	14/08/1994	5,50	9,30	8,20	
100	Trình Văn	Toàn	3671041983	06/01/1994	6,50	6,30	6,40	
101	Ngô Hữu Thiên	Phương	3671041984	04/12/1994	6,50	6,00	6,20	
102	Nguyễn Đình	Huy	3671041990	06/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
103	Nguyễn Phúc	Hậu	3671041994	21/06/1994	4,50	2,80	3,30	
104	Lê Hùng	Anh	3671042011	20/12/1994	6,00	2,00	3,20	
105	Phạm Văn	Pháp	3671042012	15/10/1993	4,00	6,00	5,40	
106	Phùng Minh	Thế	3671042027	10/08/1993	4,00	,00	1,20	
107	Đỗ Thanh	Hùng	3671042030	02/10/1994	8,00	4,80	5,80	
108	Trần Công	Đức	3671042044	04/04/1994	2,00	,00	,60	Nợ HP
109	Lê Văn	Tiến	3671042048	28/01/1993	8,50	6,30	7,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)